

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Số: 2766/2025/KT2509.99/1

Đơn vị được lấy mẫu : Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình
Địa chỉ : Thôn Bộ Đầu, Phường Nam Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình
Loại mẫu : Môi trường khí thải
Ngày lấy mẫu : 25-26/09/2025 **Ngày thử nghiệm** : 26/09/2025 – 16/10/2025
Thông tin về mẫu : KT2509.99/1 (KT1): Khí thải lò cao số 1; Tọa độ: X 2235560; Y 0600405
Tình trạng hoạt động : Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu.

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 21:2009/BTN MT (cột B)-Cmax	QCVN 19:2009/BTN MT (cột B)-Cmax
				KT1		
1	Lưu lượng	m ³ /h	EPA Method 2	17.923	-	-
2	Nhiệt độ	°C	CECP.KT.NĐ	295	-	-
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	EPA Method 5	105	180	180
4	SO ₂	mg/Nm ³	CECP.KT.SO ₂	186,02	450	450
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	CECP.KT.NO ₂	9,4	765	765
6	CO	mg/Nm ³	CECP.KT.CO	874,38	-	900
7	Hơi H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	EPA Method 8	<3	45	45
8	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	<3	-	6,75
9	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	<12	45	45
10	HF(*)	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	<0,1	-	18
11	Tổng Florua (F)(*)	mg/Nm ³	US EPA Method 13A	<0,05	45	-

Ghi chú:

- (*): Chỉ tiêu được cung cấp bởi nhà thầu phụ Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường, Vimcerts 072.
- QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón Cột B. Với hệ số K_p=0,9; K_v=1,0.
- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B. Với hệ K_p=0,9; K_v=1,0.

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2025

CÁN BỘ LẬP PHIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

[Signature]

[Signature]



Bùi Thị Thơm

Trần Mạnh Quân

Trịnh Quang Hoan

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu;
- Kết quả NTP được đánh dấu (*).

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Số: 2767/2025/KT2509.99/2-3

Đơn vị được lấy mẫu : Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình
Địa chỉ : Thôn Bộ Đầu, Phường Nam Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình
Loại mẫu : Môi trường khí thải
Ngày lấy mẫu : 25-26/09/2025 Ngày thử nghiệm : 26/09/2025 – 16/10/2025
Thông tin về mẫu : **KT2509.99/2 (KT2):** Ống khói khu vực sản xuất phân NPK 1 màu (ống sấy nóng 1); Tọa độ: X 2235415; Y 0600306
KT2509.99/3 (KT3): Ống khói khu vực sản xuất phân NPK 1 màu (ống sấy nóng 2); Tọa độ: X 2235402; Y 0600305
Tình trạng hoạt động : Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu.

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 21:2009/BTNMT (cột B)-Cmax	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)-Cmax
				KT2	KT3		
1	Lưu lượng	m ³ /h	EPA Method 2	9,911	9,527	-	-
2	Nhiệt độ	°C	CECP.KT.NĐ	48	45	-	-
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	EPA Method 5	56	44	180	180
4	SO ₂	mg/Nm ³	CECP.KT.SO2	5,24	28,82	450	450
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	CECP.KT.NO2	5,64	19,18	765	765
6	CO	mg/Nm ³	CECP.KT.CO	41,04	10,26	-	900

Ghi chú:

- QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón Cột B. Với hệ số Kp=0,9; Kv=1,0.
- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B. Với hệ số Kp=0,9; Kv=1,0.

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2025

CÁN BỘ LẬP PHIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Thơm

Trần Mạnh Quân

Trịnh Quang Hoan



- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.
- Kết quả NTP được đánh dấu (*)

Trang 1

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Số: 2768/2025/KT2509.99/4-5

Đơn vị được lấy mẫu : Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình
Địa chỉ : Thôn Bộ Đầu, Phường Nam Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình
Loại mẫu : Môi trường khí thải
Ngày lấy mẫu : 25-26/09/2025 Ngày thử nghiệm : 26/09/2025 – 16/10/2025
Thông tin về mẫu : KT2509.99/4 (KT4): Ống khói khu vực sản xuất phân NPK 1 màu (ống sấy lạnh 1); Tọa độ: X 2235411; Y 0600305
KT2509.99/5 (KT5): Ống khói khu vực sản xuất phân NPK 1 màu (ống sấy lạnh 2); Tọa độ: X 2235408; Y 0600305
Tình trạng hoạt động : Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu.

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 21:2009/BTNMT (cột B)-Cmax	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)-Cmax
				KT4	KT5		
1	Lưu lượng	m ³ /h	EPA Method 2	8.459	8.311	-	-
2	Nhiệt độ	°C	CECP.KT.NĐ	35	28	-	-
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	EPA Method 5	34	31	180	180
4	SO ₂	mg/Nm ³	CECP.KT.SO2	7,86	2,62	450	450
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	CECP.KT.NO2	1,88	2,5	765	765
6	CO	mg/Nm ³	CECP.KT.CO	1,14	1,9	-	900

Ghi chú:

- QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón Cột B. Với hệ số Kp=0,9; Kv=1,0.
- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B. Với hệ Kp=0,9; Kv=1,0.

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2025

CÁN BỘ LẬP PHIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Thơm

Trần Mạnh Quân

Trịnh Quang Hoan

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Kết quả NTP được đánh dấu (*).

- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Số: 2769/2025/KT2509.99/6

Đơn vị được lấy mẫu : Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình
Địa chỉ : Thôn Bộ Đầu, Phường Nam Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình
Loại mẫu : Môi trường khí thải
Ngày lấy mẫu : 25-26/09/2025 **Ngày thử nghiệm** : 26/09/2025 – 16/10/2025
Thông tin về mẫu : KT2509.99/6 (KT6): Khí thải từ quá trình sấy 1; Tọa độ: X 2235550; Y 0600306
Tình trạng hoạt động : Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu.

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 21:2009/BTNMT (cột B)-C _{max}	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)-C _{max}
				KT1		
1	Lưu lượng	m ³ /h	EPA Method 2	9.034	-	-
2	Nhiệt độ	°C	CECP.KT.NĐ	30	-	-
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	EPA Method 5	29	180	180
4	SO ₂	mg/Nm ³	CECP.KT.SO ₂	2,62	450	450
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	CECP.KT.NO ₂	1,88	765	765
6	CO	mg/Nm ³	CECP.KT.CO	1,52	-	900

Ghi chú:

- QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón Cột B. Với hệ số K_p=0,9; K_v=1,0.
- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B. Với hệ số K_p=0,9; K_v=1,0.

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2025

CÁN BỘ LẬP PHIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Thơm

Trần Mạnh Quân

Trịnh Quang Hoan

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Kết quả NTP được đánh dấu (*).

- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2764/2025/N2509.99/1

Đơn vị được lấy mẫu : Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình
Địa chỉ : Thôn Bộ Đầu, Phường Nam Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình
Loại mẫu : Nước thải
Ngày lấy mẫu : 26/09/2025 **Ngày thử nghiệm** : 26/09/2025 – 16/10/2025
Thông tin về mẫu : N2509.99/1: Nước thải sinh hoạt trước khi xả ra môi trường; Tọa độ: X 2235764; Y 0600504
Tình trạng hoạt động : Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu.

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả N2509.99/1	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,25	6-9
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	TCVN 6001-1:2021	1,9	36
3	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	48	60
4	NH ₄ ⁺ (Tính theo N)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	1,96	6
5	NO ₃ ⁻ (Tính theo N)	mg/l	SMEWW 4500 NO ₃ -E:2023	8,85	36
6	PO ₄ ³⁻ (Tính theo P)	mg/l	TCVN 6202:2008	1,9	7,2
7	S ²⁻ (Tính theo H ₂ S)	mg/l	TCVN 6634:2000	<0,15	1,2
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	SMEWW 5520B&E:2023	<1,0	10
9	Chất HDBM	mg/l	TCVN 6622-1:2009	<0,09	6
10	Coliforms	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	1600	3.000

Ghi chú:

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc Gia về nước thải sinh hoạt.
+ Cột A: Quy định giới hạn của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, hệ số $\alpha = 1/2$.

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2025

CÁN BỘ LẬP PHIẾU

QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Thơm

Trần Mạnh Quân



Trịnh Quang Hoan

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Kết quả NTP được đánh dấu (*).
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Số: 2765/2025/N2509.99/2

Đơn vị được lấy mẫu : Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình
Địa chỉ : Thôn Bộ Đầu, Phường Nam Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình
Thông tin về mẫu : Mẫu nước mặt
Ngày lấy mẫu : 26/09/2025 **Ngày thử nghiệm** : 26/09/2025 – 16/10/2025
Tên mẫu/vị trí quan trắc : N2509.99/2 (NM): Mẫu nước mặt sông Yên cấp vào sản xuất
Tọa độ: X 2235814; Y 0600490
Tình trạng hoạt động : Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích	Đơn vị	NM	QCVN 8:2023/BTNMT (Bảng 2 Mức B)
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,56	6 – 8,5
2	TSS	TCVN 6625:2000	mg/L	36	≤ 100
3	COD	SMEWW 5220-B:2023	mg/L	7	≤ 15
4	BOD ₅	SMEWW 5110-B:2023	mg/L	4	≤ 6
5	Amoni	TCVN 6109-1:1996	mg/L	<0,03	0,3
6	Florua	SMEWW 4500-F:2023	mg/L	0,386	1
7	Xyanua	TCVN 6181:1996	mg/L	<0,009	0,01
8	As	SMEWW 3114B:2023	mg/L	<0,0015	0,01
9	Cd	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,0021	0,005
10	Pb	SMEWW 3111C:2023	mg/L	<0,018	0,02
11	Ni	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,018	0,1
12	Cr ⁶⁺	TCVN 7939:2008	mg/L	<0,009	0,01
13	Mn	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,061	0,5
14	Hg	TCVN 7877:2008	mg/L	<0,0009	0,001
15	Fe	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,24	0,5
16	Cu	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,0075	0,1
17	Zn	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,013	0,5
18	Phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	<0,0009	0,005
19	Tổng N	SMEWW 4500-N.C:2023 & SMEWW 4500-NO3-E:2023	mg/L	0,65	≤ 1,5
20	Tổng dầu, mỡ	SMEWW 5520B:2023	mg/L	<1	5

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với: mẫu thử nghiệm;
- Kết quả NTP được đánh dấu (*).
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.

Ghi chú:

- (-): Không quy định trong quy chuẩn
- QCVN 08-MT:2020/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt
- Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2025

CÁN BỘ LẬP PHIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

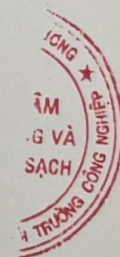
Bùi Thị Thơm

Trần Mạnh Quân



Trần Quang Hoan

VIMCERTS 072



1. Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc thiếu hụt kết quả thử nghiệm của khách hàng;
4. Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu;
5. Kết quả NTP được đánh dấu rõ ràng.